

Bản án số: 16/2025/DS-ST
Ngày: 12/8/2025
Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mua
2. Ông Trần Văn Bé Hai

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trâm— Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Vĩnh Long: Bà Trần Thúy Liễu, kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2025, về việc: “Kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 72/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ cũ: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ hiện tại: ấp P, xã S, tỉnh Vĩnh Long

- Bị đơn:

1/ Bà Phạm Thị H, sinh năm 1965 (vắng mặt)

2/ Anh Nguyễn Quốc C, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ (cũ): ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Cùng địa chỉ (hiện tại): ấp P, xã S, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/5/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị K trình bày:

Ngày 03/10/2023 dương lịch bà K có cho bà H vay số vàng là 20 chỉ vàng 24k có làm biên nhận do bà H viết, bà H trực tiếp nhận vàng, lúc giao nhận vàng không có ai chứng kiến cũng không có xác nhận của chính quyền địa phương, hai bên không có thỏa thuận thời hạn vay nhưng có thỏa thuận khi nào bà K cần số vàng trên thì cho bà H biết trước 02 tháng bà H sẽ trả lại, hai bên thỏa thuận lãi suất là 3.000.000 đ/tháng.

Bà H đóng lãi cho bà K từ tháng 11/2023 dương lịch đến tháng 11/2024 là 13 tháng với số tiền 39.000.000đ (ba mươi chín triệu đồng) thì ngưng không đóng lãi cho đến nay và cũng không trả số vàng gốc cho bà K. Đầu năm 2025, bà K có gặp bà H thông báo cho bà H biết là bà K cần sử dụng số vàng trên và yêu cầu bà H trả lại số vàng đã vay nhưng bà H né tránh và trì hoãn việc trả nợ.

Nay bà K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H và con bà H là anh Nguyễn Quốc C cùng trả lại cho bà K 20 chỉ vàng 24k, không yêu cầu tính lãi suất. Đối với số tiền bà H đã đóng lãi trước đây là 39.000.000đ thì bà K không trừ vào phần nợ gốc.

Tại phiên tòa, bà K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H và con bà H là anh Nguyễn Quốc C cùng liên đới trả lại cho bà K 20 chỉ vàng 24k, không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Thị H, anh Nguyễn Quốc C vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và xét xử nhưng bà H, anh C vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Vụ án thụ lý đúng thẩm quyền loại việc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng về việc thu thập chứng cứ và hòa giải. Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; Luật người cao tuổi năm 2019; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị HĐXX:

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị K, buộc bà Phạm Thị H có trách nhiệm trả cho K số vàng còn nợ là 20 chỉ vàng 24K.

Án phí:- Bà H chịu 10.500.000đ tiền án phí DSST.

- Miễn nộp tiền án phí cho bà K đối với yêu cầu của bà không được Tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Xác định nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận xác lập hợp đồng vay tài sản và phát sinh tranh chấp từ hợp đồng vay nên đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã S, tỉnh Vĩnh Long) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: bị đơn bà Phạm Thị H và anh Nguyễn Quốc C đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H và anh C.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Bà Nguyễn Thị K cho rằng ngày 03/10/2023 có cho bà Phạm Thị H vay 20 chỉ vàng 24k, thỏa thuận lãi suất 3.000.000đ/tháng. Bà H đã đóng lãi suất được 13 tháng với số tiền là 39.000.000đ thì ngưng không đóng lãi và cũng không trả số vàng gốc cho bà K. Nay bà K yêu cầu bà H và con bà H là anh Nguyễn Quốc C cùng liên đới trả số vàng gốc là 20 chỉ vàng 24k cho bà K, không tính lãi suất.

Xét thấy, bà K có cung cấp cho Tòa án bản chính “Biên nhận tiền” ngày 03/10/2023 thể hiện việc bà H, anh C có vay của bà K số vàng 20 chỉ vàng 24k, không thỏa thuận thời hạn vay, chỉ thỏa thuận khi nào bà K cần sử dụng số vàng thì bà H sẽ trả lại cho bà K, thỏa thuận lãi suất 3.000.000đ/tháng. “Biên nhận

tiền” có chữ ký và họ tên của bà Phạm Thị H. Do đó, Hội đồng xét xử xác định có sự việc bà K cho bà H vay số vàng 20 chỉ vàng 24k xảy ra trên thực tế.

[3.2] Xét việc bà K yêu cầu anh Nguyễn Quốc C cùng liên đới với bà H trả số vàng 20 chỉ vàng 24k cho bà K.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/6/2025 và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị K cho rằng anh C là con ruột bà H, sống chung nhà với bà H nên bà K yêu cầu bà H viết tên anh C vào “Biên nhận tiền”, bà K xác định lúc giao nhận số vàng cho bà H và cả lúc bà H viết “Biên nhận tiền” không có mặt anh C chứng kiến và anh C cũng không có ký tên trong “Biên nhận tiền” mà chỉ có bà H ký tên. Việc giao nhận vàng cũng không có ai làm chứng. Xét, việc giao nhận vàng chỉ xảy ra giữa bà K và bà H, anh C hoàn toàn không biết và cũng không ký tên vào “Biên nhận tiền”, tuy anh C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng cũng không có căn cứ chứng minh anh C là người có nghĩa vụ phải thực hiện trong “Biên nhận tiền” giữa bà K và bà H. Do đó, việc bà K yêu cầu anh C cùng liên đới với bà H trả số vàng cho bà K là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định [3.1] và [3.2], Hội đồng xét xử xác định có sự việc bà H vay của bà K 20 chỉ vàng 24k, có thỏa thuận lãi suất. Đầu năm 2025, bà K có thông báo trước cho Bà H biết việc bà K cần sử dụng số vàng yêu cầu bà H trả lại nhưng bà H trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà K khởi kiện yêu cầu bà H, anh C trả lại 20 chỉ vàng 24k, không tính lãi suất là có cơ sở chấp nhận một phần.

[3.3] Xét việc vắng mặt của bà Phạm Thị H và anh Nguyễn Quốc C trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Phạm Thị H và anh Nguyễn Quốc C về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K, tuy nhiên bà H và anh C không có ý kiến trình bày bằng văn bản gửi cho Tòa án, Tòa án triệu tập bà H, anh C tham gia phiên hòa giải và phiên Tòa thì bà H và anh C đều vắng mặt không rõ lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Tòa án không có căn cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H và anh C, bà H và anh C phải chịu hậu quả pháp lý về việc không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong vụ án.

[4] Về án phí: Theo kết quả tham khảo giá vàng 24k bán ra tại các tiệm vàng ở địa phương tại thời điểm xét xử sơ thẩm đã được nguyên đơn thống nhất là 10.500.000đ/chỉ (mười triệu năm trăm nghìn đồng). Bà K yêu cầu bà H trả số vàng 20 chỉ vàng 24k được quy đổi thành tiền Việt Nam đồng để tính án phí sơ thẩm như sau:

20 chỉ vàng 24k x 10.500.000đ/chỉ = 210.000.000đ (hai trăm mười triệu đồng)

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bà Phạm Thị H phải chịu 10.500.000đ (*mười triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2-Vĩnh Long phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, Điều 147, Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kiến

Buộc bà Phạm Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị K số vàng 20 chỉ vàng 24k, không tính lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K về việc yêu cầu anh Nguyễn Quốc C liên đới cùng bà Phạm Thị H trả số vàng 20 chỉ vàng 24k cho bà K.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Phạm Thị H phải chịu 10.500.000đ (*mười triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- VKSND KV2-VL: 02b ;
- Phòng THADS KV2-VL: 01b;
- Đương sự: 03b;
- Lưu: 04b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Ngọc Trinh

